

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *4736*/KH-UBND

Quảng Trị, ngày 29 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04/8/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 76-KH/TU ngày 20/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và Chương trình hành động số 31-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 75-KL/TW về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới

Thực hiện Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04/8/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới và Kế hoạch số 76-KH/TU ngày 20/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và Chương trình hành động số 31-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 75-KL/TW về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Trung ương và của tỉnh về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới.

- Cụ thể hóa Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch số 76-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành các nhiệm vụ, giải pháp quản lý nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; gắn công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu với thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường phòng ngừa, kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm, suy thoái môi trường; tập trung xử lý các điểm nóng, khu vực có nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường; nâng cao chất lượng môi trường sống, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên.

- Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, phòng ngừa, ứng phó và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, góp phần bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản, cơ sở hạ tầng và sinh kế của Nhân dân.

- Thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp và chuyển đổi năng lượng; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính; xác định bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu là một trong những động lực phát triển mới của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Phân công nhiệm vụ theo nguyên tắc rõ việc, rõ cơ quan chủ trì, rõ cơ quan phối hợp, rõ thời hạn, rõ sản phẩm và rõ nguồn lực; mỗi nhiệm vụ trọng tâm chỉ giao một cơ quan chủ trì, bảo đảm không chồng chéo, không bỏ sót nhiệm vụ và có thể kiểm tra, đo lường, gắn với trách nhiệm, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ cấp bách, có tác động lớn đến chất lượng môi trường, an toàn dân cư, sức khỏe cộng đồng và phát triển bền vững; kế thừa, lồng ghép các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án đang triển khai có liên quan, tránh trùng lặp và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

- Lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ của Kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm và chương trình công tác của các cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp khả năng cân đối, huy động nguồn lực.

- Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện; kịp thời xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Việc tổ chức thực hiện phải bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; cơ quan được giao chủ trì chịu trách nhiệm chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan để tổ chức thực hiện, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ khi cần thiết, bảo đảm phù hợp với quy định và tình hình thực tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường; quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, chuyển đổi năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030: Thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định thuộc thẩm quyền của tỉnh về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu; kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định thuộc thẩm quyền, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với quy định của Trung ương và yêu cầu phát triển thực tiễn của tỉnh.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; rà soát, phân định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước theo phân cấp, phân quyền; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện, kiểm tra và xử lý các vấn đề về môi trường, tài nguyên và biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý.

- Xây dựng cơ chế thu hút đầu tư xanh, khu công nghiệp sinh thái, logistics xanh, năng lượng tái tạo.

- Tăng cường hướng dẫn, đối thoại và đồng hành cùng doanh nghiệp nhằm nhận diện rủi ro, phòng ngừa, giảm thiểu sai sót, vi phạm và nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu có trọng tâm, trọng điểm, tránh chồng chéo; tập trung kiểm soát các nguồn thải, cơ sở, khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái môi trường; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước; tăng cường xây dựng, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ theo dõi, giám sát, cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định trong lĩnh vực môi trường, tài nguyên và biến đổi khí hậu.

2. Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường; tăng cường chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn nước thải, khí thải lớn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; thực hiện quan trắc môi trường tự động, liên tục và truyền dữ liệu theo quy định, bảo đảm kiểm soát thường xuyên các nguồn thải lớn; không để phát sinh khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Tăng cường kiểm soát ô nhiễm tại khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực đô thị, lưu vực sông và vùng ven biển; chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý các nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái môi trường.

- Điều tra, xác định, khoanh vùng và xây dựng phương án xử lý các khu vực đất bị ô nhiễm nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng theo quy định; ưu tiên các khu vực có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và hệ sinh thái.

- Tập trung xử lý các điểm nóng về ô nhiễm môi trường, bãi chôn lấp chất thải, khu vực tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và các khu vực ô nhiễm, suy thoái môi trường; từng bước khắc phục, phục hồi chất lượng môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm.

- Nghiên cứu, từng bước áp dụng công cụ quản lý tổng tải lượng chất ô nhiễm phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tại những khu vực có rủi ro cao, áp lực môi trường lớn.

- Đẩy mạnh xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát môi trường; ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong giám sát, cảnh báo ô nhiễm; công khai thông tin môi trường theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và sự tham gia giám sát của cộng đồng.

3. Quản lý chất thải, hoàn thiện hạ tầng môi trường, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn

- Đẩy mạnh phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn; nâng cao hiệu quả thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải, từng bước hình thành hệ thống quản lý chất thải theo hướng giảm thiểu phát sinh, tăng cường tái sử dụng, tái chế và thu hồi tài nguyên.

- Giảm tỷ lệ chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt; ưu tiên áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến, thân thiện với môi trường, tăng cường thu hồi tài nguyên và năng lượng từ chất thải, phù hợp với điều kiện và khả năng đầu tư của tỉnh.

- Đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tại đô thị, ưu tiên các khu vực trung tâm, khu dân cư tập trung, khu vực ven sông, ven biển và các khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Tập trung đầu tư, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển xanh, bền vững.

- Triển khai Dự án Nhà máy xử lý rác thải bằng công nghệ đốt rác phát điện và các dự án xử lý chất thải khác theo danh mục, quy hoạch và quyết định của cấp có thẩm quyền, bảo đảm tiến độ, hiệu quả đầu tư và yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, tiết kiệm tài nguyên, tái sử dụng, tái chế chất thải; thúc đẩy hình thành các mô hình, chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững, góp phần phát triển kinh tế tuần hoàn.

4. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên

- Quản lý chặt chẽ các khu bảo tồn, khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao; triển khai các nhiệm vụ, dự án bảo tồn, phục hồi và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, bảo đảm duy trì, nâng cao giá trị đa dạng sinh học.

- Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường phục hồi hệ sinh thái rừng, đất ngập nước, biển và ven biển, gắn bảo tồn đa dạng sinh học với quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên đất, nước, khoáng sản và tài nguyên biển; tăng cường bảo vệ các hệ sinh thái, cảnh quan và nguồn tài nguyên có giá trị; bảo đảm an ninh nguồn nước, quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ, hạn chế suy thoái, cạn kiệt tài nguyên.

- Triển khai nhiệm vụ điều tra, đánh giá và đề xuất mở rộng diện tích Khu bảo tồn biển đảo Côn Cỏ, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, định hướng và nhiệm vụ của Kế hoạch số 76-KH/TU.

- Phát triển các mô hình kinh tế dựa trên các dịch vụ hệ sinh thái và vốn tự nhiên; chú trọng phát triển sinh kế bền vững, du lịch sinh thái, kinh tế dưới tán rừng và các mô hình kinh tế xanh phù hợp với thực tế địa phương.

5. Chủ động thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai

- Lồng ghép yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu vào Quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành, lĩnh vực, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm phát triển bền vững và nâng cao khả năng chống chịu trước biến đổi khí hậu.

- Cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu; đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu, làm cơ sở xác định các khu vực, ngành, lĩnh vực và đối tượng có nguy cơ cao để chủ động triển khai các giải pháp thích ứng.

- Điều tra, đánh giá, lập bản đồ nguy cơ, rủi ro sạt lở đất, lũ quét, lũ ống; xói lở bờ sông, bờ biển và các loại hình thiên tai có nguy cơ ảnh hưởng lớn đến dân cư, cơ sở hạ tầng và hoạt động sản xuất.

- Xây dựng và triển khai phương án di dời, bố trí lại dân cư tại các khu vực có nguy cơ cao về sạt lở đất, lũ quét và các loại hình thiên tai khác, gắn với bảo đảm điều kiện sống, sinh kế và ổn định lâu dài cho người dân.

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp các công trình phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, như hồ chứa, đê, kè, công trình phòng, chống sạt lở, bảo vệ bờ sông, bờ biển và hệ thống tiêu thoát nước đô thị, phù hợp với quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực.

- Đầu tư xây dựng lực lượng, phương tiện đủ khả năng ứng phó, khắc phục kịp thời thiệt hại khi có thiên tai xảy ra.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và cảnh báo sớm thiên tai, rủi ro khí hậu; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong theo dõi, giám sát và cung cấp thông tin phục vụ phòng ngừa, ứng phó;

- Hoàn thiện các cơ chế, giải pháp công trình và phi công trình, kết hợp với các công cụ tài chính nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu cho người dân, doanh nghiệp

- Chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng có khả năng chống chịu cao với bão, lũ, ngập úng, hạn hán và các tác động do biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh, giảm phát thải khí nhà kính, mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp với điều kiện sinh thái và diễn biến thời tiết.

6. Thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế cacbon thấp, chuyển đổi năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính

- Lồng ghép mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, đề án, dự án. Huy động các nguồn lực, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ chuyển đổi xanh, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

- Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; thúc đẩy logistics xanh, du lịch xanh, nông nghiệp xanh và phát triển khu công nghiệp sinh thái, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh và quy định pháp luật.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng sản xuất sạch hơn, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên, giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu và năng lượng trong sản xuất, kinh doanh.

- Thúc đẩy các mô hình công nghiệp xanh, đô thị xanh, giao thông xanh, các hoạt động giảm phát thải trong toàn bộ vòng đời công trình; phát triển công trình xanh, sử dụng vật liệu xây dựng xanh, vật liệu phát thải thấp.

- Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính, quản lý và thúc đẩy giảm phát thải khí nhà kính; điều tra, đánh giá tiềm năng tạo tín chỉ cacbon, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tham gia thị trường cacbon theo quy định; quản lý chặt chẽ hoạt động trao đổi tín chỉ cacbon. Nhân rộng các mô hình canh tác giảm phát thải, sử dụng hiệu quả vật tư đầu vào và từng bước thực hiện đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) phục vụ phát triển tín chỉ cacbon.

7. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực

- Xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu của tỉnh, bảo đảm kết nối, tích hợp, đồng bộ, chia sẻ và liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, theo dõi, giám sát và cung cấp thông tin về môi trường và biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn, công nghệ viễn thám, công nghệ quan trắc và các công nghệ số trong theo dõi, giám sát, phân

tích, dự báo, cảnh báo các vấn đề về môi trường và biến đổi khí hậu; từng bước nâng cao năng lực quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, tập trung vào quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo, công nghệ sạch, công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tái chế, xử lý chất thải và giảm phát thải khí nhà kính; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng lượng.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao giống, kỹ thuật nuôi, trồng hiện đại, năng suất cao, phát thải thấp, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng, năng lực chuyên môn và kỹ năng thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về môi trường và biến đổi khí hậu, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ ở cấp xã.

8. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

- Bố trí kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường và phấn đấu đạt chỉ tiêu tỷ lệ chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm theo mục tiêu của Kế hoạch.

- Lồng ghép, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, nguồn lực từ các chương trình, đề án, dự án và các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân; thu hút đầu tư ngoài ngân sách, nguồn vốn quốc tế, nguồn tài chính xanh và các nguồn vốn hợp pháp khác cho các chương trình, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh.

- Ưu tiên bố trí, huy động nguồn lực cho các nhiệm vụ cấp thiết, có tác động lớn, các công trình, dự án trọng điểm về xử lý chất thải, cải thiện chất lượng môi trường, các công trình phòng, chống thiên tai, bảo vệ bờ sông, bờ biển, bảo vệ nguồn nước, phục hồi hệ sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

9. Tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, huy động sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Các sở, ban, ngành, địa phương, nhất là người đứng đầu cần xác định bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ thường xuyên, ở vị trí trung tâm trong các quyết định phát triển, là điều kiện, nền tảng cho chuyển đổi xanh, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất, sức cạnh tranh; lấy việc bảo đảm môi trường sống an toàn, trong lành, bảo vệ sức khỏe, tính mạng, sinh kế của mọi người dân làm mục tiêu cao nhất.

- Đổi mới nội dung, hình thức và phương thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo hướng thiết thực, dễ hiểu, dễ tiếp cận, phù hợp với từng nhóm đối tượng; chú trọng truyền thông thay đổi hành vi, hình thành lối sống xanh, tiêu dùng xanh và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên.

- Lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn trong hoạt động giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng cấp học, ngành học, đối tượng và điều kiện thực tế.

- Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và Nhân dân trong tuyên truyền, vận động, giám sát và tham gia thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Nhân rộng các mô hình tự quản, sáng kiến cộng đồng và phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; khuyến khích các mô hình phân loại, giảm thiểu chất thải, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ nguồn nước, bảo tồn thiên nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

(Có Danh mục các nhiệm vụ, đề án, dự án, chương trình quan trọng tại Phụ lục II kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, trong đó ưu tiên bố trí kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và vốn đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Kế hoạch và khả năng cân đối ngân sách hằng năm.

2. Nguồn vốn từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện lồng ghép, sử dụng hiệu quả, tránh trùng lặp, chồng chéo trong bố trí và sử dụng nguồn lực.

3. Nguồn vốn xã hội hóa, vốn của doanh nghiệp, nguồn vốn quốc tế, vốn vay ưu đãi, nguồn tài chính xanh, các quỹ tài chính có liên quan và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Việc lập, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao, chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch; lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và các nội dung có liên quan vào chương trình, kế hoạch công tác, các chương trình, dự án và dự toán ngân sách hằng năm; chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các

cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện; cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu và báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Theo dõi, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết và đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ khi cần thiết.

- Chủ trì tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, đa dạng sinh học, tài nguyên nước, giảm phát thải khí nhà kính, thị trường các-bon, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu và các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; chủ trì theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu, các nhiệm vụ, đề án, dự án, chương trình được phân công.

3. Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh bố trí, lồng ghép nguồn lực ngân sách để thực hiện Kế hoạch theo quy định và khả năng cân đối ngân sách; phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát, tổng hợp, tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án thuộc Kế hoạch; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định; chủ trì, phối hợp tham mưu huy động, thu hút và lồng ghép các nguồn lực tài chính hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

4. Sở Công Thương

Chủ trì tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công nghiệp môi trường, sản xuất sạch hơn, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phát triển năng lượng tái tạo, tài nguyên khoáng sản theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; chủ trì theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện chỉ tiêu về tỷ lệ cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường và chỉ tiêu về tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong công nghiệp, giảm phát thải khí nhà kính và sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng.

5. Sở Xây dựng

Chủ trì tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải đô thị và các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực xây dựng gắn với thích ứng với biến đổi khí hậu theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; nghiên cứu, hướng dẫn và thúc đẩy phát triển công trình xanh, sử dụng năng lượng và tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả trong hoạt động xây dựng; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu, tiêu chí và phương pháp theo dõi, đánh giá công trình xanh phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, xây dựng khu dân cư, nhà ở và công trình phù hợp với yêu cầu phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xanh; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ môi trường, công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; phối hợp xây dựng, kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn, viễn thám và các công nghệ số trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, giám sát thiên tai và biến đổi khí hậu theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì tham mưu, tổ chức thực hiện việc lồng ghép kiến thức, kỹ năng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, kinh tế tuần hoàn, sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả và phòng, chống thiên tai vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng cấp học, ngành học và đối tượng; tăng cường giáo dục ý thức, trách nhiệm, kỹ năng thực hành bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai trong các cơ sở giáo dục; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, cập nhật tài liệu, nội dung giáo dục và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.

8. Ban Quản lý Khu kinh tế

Chủ trì, tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại khu kinh tế, khu công nghiệp; kiểm soát, giám sát các nguồn thải và việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu kinh tế, khu công nghiệp; thúc đẩy phát triển khu công nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn trong khu kinh tế, khu công nghiệp; phối hợp đầu tư, hoàn thiện và vận hành hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải tại các khu công nghiệp; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan trong thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định.

9. Công an tỉnh

Tăng cường phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, điều tra và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, khoáng sản, đa dạng sinh học; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành và UBND cấp xã trong trao đổi thông tin, kiểm tra, giám sát, xử lý các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, khoáng sản, đa dạng sinh học; góp phần bảo đảm an ninh môi trường trên địa bàn tỉnh.

10. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chủ trì, phối hợp tổ chức lực lượng, phương tiện thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ theo chức năng, nhiệm vụ; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, triển

khai phương án ứng phó, sơ tán, di dời người dân khỏi khu vực có nguy cơ cao; tổ chức cứu hộ, cứu nạn, hỗ trợ khắc phục hậu quả, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của Nhà nước và Nhân dân; sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

11. UBND các xã, phường, đặc khu

Căn cứ Kế hoạch này và điều kiện thực tế của địa phương, xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai trên địa bàn; chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được phân công; tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất thải rắn sinh hoạt, quản lý nguồn thải, bảo vệ tài nguyên và môi trường trên địa bàn quản lý; đầu tư, hoàn thiện và tổ chức quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo quy định; bảo đảm an toàn dân cư tại khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai và di dời dân cư khỏi khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất; huy động nguồn lực và sự tham gia của cộng đồng, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai; phối hợp với các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan trong triển khai thực hiện Kế hoạch; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, cung cấp đầy đủ, kịp thời số liệu phục vụ theo dõi, đánh giá và tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân, cộng đồng và doanh nghiệp tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định; phát huy vai trò của cộng đồng trong giám sát, phát hiện, phản ánh các hành vi gây ô nhiễm môi trường và các vấn đề môi trường phát sinh trên địa bàn.

VI. CHẾ ĐỘ KIỂM TRA, BÁO CÁO, SƠ KẾT, TỔNG KẾT

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch này có trách nhiệm theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu thuộc phạm vi được phân công, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; chủ trì theo dõi, tổng hợp các chỉ tiêu được phân công tại Phụ lục 1; phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh và tham mưu báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo yêu cầu; định kỳ hằng năm đánh giá mức độ hoàn

thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ, xác định các chỉ tiêu, nhiệm vụ chưa đạt, làm rõ nguyên nhân và đề xuất giải pháp khắc phục; tham mưu UBND tỉnh thực hiện sơ kết, tổng kết Kế hoạch theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, NNMT. *PC*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nam

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số 473/KH-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi	Cơ quan phối hợp
1	Tỷ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trong tổng chi NSNN hằng năm	Tối thiểu 2%	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các đơn vị dự toán
2	Tỷ lệ các nguồn nước thải, khí thải lớn thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục được lắp đặt, vận hành và truyền dữ liệu theo quy định	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan quản lý, cơ sở có nguồn thải; các sở, ngành, cơ quan liên quan
3	Tỷ lệ cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường	100%	UBND cấp xã/ chủ đầu tư CCN chủ trì thực hiện; Sở Công Thương chủ trì theo dõi, tổng hợp	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính; các sở, ngành, cơ quan liên quan
4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	98%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã; các sở, ngành, cơ quan liên quan
5	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực nông thôn được thu gom, xử lý	85%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã; các sở, ngành, cơ quan liên quan
6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom	<30%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; UBND cấp xã; các sở, ngành, cơ quan liên quan
7	Tỷ lệ che phủ rừng	61%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã; các sở, ngành, cơ quan liên quan
8	Diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển tối thiểu	10.000 ha	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã ven biển; các sở, ngành, cơ quan liên quan
9	Tỉ lệ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn	70%	UBND cấp xã chủ trì thực hiện; Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì	Sở Xây dựng; các sở, ngành, cơ quan liên quan

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi	Cơ quan phối hợp
			theo dõi, tổng hợp	
10	Tỉ lệ các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn	80%	UBND cấp xã chủ trì thực hiện; Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì theo dõi, tổng hợp	Sở Xây dựng; các sở, ngành, cơ quan liên quan
11	Tỷ trọng kinh tế xanh trong GRDP của tỉnh	10%	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; các sở, ngành, cơ quan liên quan
12	Tỷ lệ khu công nghiệp sinh thái	10%	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; các sở, ngành, cơ quan liên quan
13	Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp	55-60%	Sở Công Thương	Các cơ quan, doanh nghiệp năng lượng; các sở, ngành liên quan

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRỌNG
(Kèm theo Kế hoạch số 4736/KH-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2026
của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Nhiệm vụ, đề án, dự án, chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm/kết quả	Nguồn lực
1	Tổ chức thực hiện, rà soát, cập nhật Kế hoạch UBND tỉnh thực hiện Kết luận 75-KL/TW, Chương trình 31-CTr/TW, Nghị quyết 208/NQ-CP và Kế hoạch 76-KH/TU	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Kế hoạch; báo cáo rà soát	NSNN
2	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tư pháp; các cơ quan liên quan	Thường xuyên	Văn bản, cơ chế, chính sách	NSNN
3	Tổ chức phát động, kêu gọi, vận động toàn dân chung tay bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã; các tổ chức liên quan	Thường xuyên	Phong trào, mô hình, hoạt động	NSNN và các nguồn lực khác
4	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền chính sách, pháp luật và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Các hoạt động tuyên truyền	NSNN và các nguồn lực khác
5	Lồng ghép kiến thức, kỹ năng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, kinh tế tuần hoàn và phòng, chống thiên tai vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan	Thường xuyên từ năm học 2027 - 2028	Tài liệu hướng dẫn; chương trình, học liệu	NSNN và các nguồn lực khác

TT	Nhiệm vụ, đề án, dự án, chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm/kết quả	Nguồn lực
6	Triển khai các chương trình, dự án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và các hoạt động thúc đẩy phát triển thị trường các-bon trên địa bàn tỉnh bảo đảm hiệu quả, đúng mục tiêu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; doanh nghiệp; địa phương	Thường xuyên	Các chương trình, dự án, nhiệm vụ	NSNN và các nguồn lực khác
7	Huy động nguồn lực xã hội triển khai các dự án xử lý ô nhiễm môi trường, quan trắc môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các cơ quan liên quan	Thường xuyên	Dự án, nguồn vốn huy động	NSNN và các nguồn lực khác
8	Xây dựng và triển khai các dự án giải quyết những điểm nóng, bức xúc về ô nhiễm môi trường; xử lý, khắc phục ô nhiễm, cải tạo và phục hồi môi trường tại các khu vực ô nhiễm, suy thoái trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; UBND cấp xã; đơn vị liên quan	2026-2030	Dự án, nhiệm vụ	NSNN và các nguồn lực khác
9	Đầu tư phát triển hạ tầng, công nghệ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải; từng bước giảm tỉ lệ chôn lấp trực tiếp, tăng tỉ lệ xử lý bằng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường; xử lý dứt điểm các bãi rác gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, UBND cấp xã	2026-2030	Công trình, dự án, nhiệm vụ	NSNN và các nguồn lực khác
10	Tổ chức phong trào, mô hình về phân loại chất thải, phân loại chất thải rắn sinh hoạt từ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phù hợp với điều kiện của địa phương, giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, lối sống xanh, tiêu dùng xanh, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ thiên nhiên và phòng tránh rủi ro thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã; cơ quan liên quan	2026-2030	Chương trình, kế hoạch, mô hình	NSNN và các nguồn lực khác
11	Dự án Nhà máy xử lý rác thải bằng công nghệ đốt rác phát điện	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; Sở Xây dựng; cơ quan liên quan	2026-2030	Nhà máy xử lý chất thải rắn	Huy động nhà đầu tư

TT	Nhiệm vụ, đề án, dự án, chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm/kết quả	Nguồn lực
12	Triển khai phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh; UBND cấp xã; cơ quan liên quan	Thường xuyên	Chương trình/dự án/công trình	NSNN và các nguồn lực khác
13	Xây dựng và triển khai phương án di dời dân cư khỏi khu vực có nguy cơ, rủi ro thiên tai	UBND cấp xã theo địa bàn chủ trì thực hiện; Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; cơ quan liên quan	Thường xuyên	Phương án, dự án	NSNN và các nguồn lực khác
14	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh liên thông với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan liên quan	2026-2030	Cơ sở dữ liệu môi trường	NSNN
15	Kiểm soát ô nhiễm tại khu kinh tế, khu công nghiệp	Ban Quản lý KKT	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã; cơ quan liên quan	Thường xuyên	Hoạt động kiểm soát ô nhiễm	NSNN và các nguồn lực khác

TT	Nhiệm vụ, đề án, dự án, chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm/kết quả	Nguồn lực
16	Kiểm soát ô nhiễm tại các lưu vực sông và vùng ven biển, các đô thị	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã; cơ quan liên quan	Thường xuyên	Hoạt động kiểm soát ô nhiễm	NSNN và nguồn khác
17	Dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã; đơn vị quản lý rừng; cơ quan liên quan	2026-2030	Dự án, nhiệm vụ; chỉ tiêu che phủ rừng	NSNN và nguồn khác
18	Điều tra, đánh giá, xác định, khoanh vùng khu vực ô nhiễm môi trường đất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng; xây dựng kế hoạch xử lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã; cơ quan liên quan	2026-2030	Báo cáo, bản đồ, kế hoạch xử lý, kiểm soát ô nhiễm môi trường đất	NSNN
19	Cập nhật đánh giá tác động tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu và xây dựng bản đồ đánh giá chi tiết tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	2026-2027	Báo cáo, hệ thống bản đồ	NSNN
20	Điều tra, đánh giá tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính, tạo tín chỉ cacbon trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đề xuất giải pháp, lộ trình hỗ trợ doanh nghiệp địa phương tham gia thị trường cacbon trong nước và quốc tế	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương; doanh nghiệp và các cơ quan liên quan	2026-2028	Báo cáo, hệ thống bản đồ	NSNN
21	Xây dựng Báo cáo đánh giá khí hậu và bản đồ rủi ro khí hậu tỉnh Quảng Trị	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	2027-2029	Báo cáo, hệ thống bản đồ	NSNN

TT	Nhiệm vụ, đề án, dự án, chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm/kết quả	Nguồn lực
			và các cơ quan liên quan			
22	Điều tra, đánh giá hiện trạng và lập bản đồ hiện trạng, bản đồ phân vùng nguy cơ, bản đồ phân vùng rủi ro sạt lở đất, lũ quét tỉ lệ lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; UBND cấp xã; các cơ quan liên quan	2026-2028	Báo cáo, hệ thống bản đồ	NSNN
23	Điều tra xói lở bờ sông, bờ biển và lập bản đồ nguy cơ sạt lở bờ sông, bờ biển; đề xuất giải pháp hướng tới phát triển bền vững khu vực ven sông, ven biển	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; UBND cấp xã; cơ quan liên quan	2026-2029	Báo cáo, hệ thống bản đồ	NSNN
24	Xây dựng, thực hiện các dự án bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; phục hồi hệ sinh thái rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã; đơn vị quản lý rừng; các cơ quan liên quan	Thường xuyên	Dự án/nhiệm vụ	NSNN và nguồn khác
25	Nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; đầu tư các công trình phòng chống sạt lở, bảo vệ bờ sông, bờ biển và hồ chứa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; UBND cấp xã; các cơ quan liên quan	Thường xuyên	Dự án/nhiệm vụ/công trình	NSNN và nguồn khác
26	Triển khai chương trình phát triển ngành công nghiệp môi trường	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; doanh nghiệp; các cơ quan liên quan	2026-2030	Đề án/nhiệm vụ	NSNN và nguồn khác
27	Đầu tư, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường tại các khu kinh tế, khu công nghiệp; bảo đảm các khu	Ban Quản lý Khu kinh tế	Sở Nông nghiệp và Môi trường;	2026-2030	Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ	NSNN và nguồn

TT	Nhiệm vụ, đề án, dự án, chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm/kết quả	Nguồn lực
	kinh tế, khu công nghiệp đang hoạt động đáp ứng đầy đủ yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật	tỉnh	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; chủ đầu tư hạ tầng; các cơ quan liên quan		môi trường	khác
28	Đầu tư, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp; bảo đảm đáp ứng đầy đủ yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật	UBND cấp xã	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính; các cơ quan liên quan	2026-2030	Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường	NSNN và nguồn khác
29	Đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị theo quy hoạch; ưu tiên các đô thị trung tâm, khu dân cư tập trung, khu vực ven sông, ven biển; nâng cao tỉ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường	UBND cấp xã	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính; các cơ quan liên quan	Thường xuyên	Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị	NSNN và nguồn khác
30	Xây dựng các mô hình điểm về nông nghiệp thông minh giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Đề án/dự án	NSNN và các nguồn lực khác
31	Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước tại các lưu vực sông, kênh, mương, hồ và đoạn sông ưu tiên; kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm phù hợp với khả năng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã, các sở, ban, ngành liên quan	2026 - 2030	Các nhiệm vụ, giải pháp	NSNN và các nguồn lực khác

TT	Nhiệm vụ, đề án, dự án, chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm/kết quả	Nguồn lực
	năng chịu tải của nguồn nước. Giải quyết tình trạng ô nhiễm nước tại các sông, kênh, mương, hồ và đoạn sông nội tỉnh					
32	Xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, khu vực khai thác - chế biến khoáng sản, khu vực tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh và các điểm nóng ô nhiễm khác.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã, các sở, ban, ngành liên quan	2026 - 2030	Các nhiệm vụ, giải pháp	NSNN và các nguồn lực khác
33	Kiểm soát chặt chẽ các nguồn phát sinh nước thải, khí thải lớn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã, các sở, ban, ngành liên quan	Thường xuyên	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn lực khác
34	Đầu tư phát triển hạ tầng, đô thị có khả năng chống chịu cao với bão, lũ, ngập úng, hạn hán, triều cường và các tác động do biến đổi khí hậu, nước biển dâng.	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã, các sở, ban, ngành liên quan	2026-2030	Đề án/Dự án	NSNN và các nguồn lực khác